TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST
Ngày 31-12-2020
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Mai Hương

Bà Hoàng Thị Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ thụ lý số 119/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 và Thông báo về việc thay đổi lịch xét xử số 11/2020/TB-TA ngày 21 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị H, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ dân phố D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Duy D, sinh năm 1974; nơi cư trú: Tổ dân phố D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ghi ngày 24-10-2020, và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đặng Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị xây dựng hạnh phúc với anh D trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý, tổ chức lễ cưới từ vào năm 1994. Sau khi tổ chức lễ cưới, vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh D tại tổ dân phố Dân Tiến, phường Minh Đức. Vợ chồng chỉ chung sống hòa thuận chỉ được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Vài năm trở lại đây, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, không thể giải quyết được. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan

điểm sống, bất đồng với nhau về phát triển kinh tế gia đình, về cách nuôi dạy con cái nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Anh D thường xuyên nghi ngờ chị sống không chung thủy nhưng thực tế là không có. Anh D thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ con, không đưa tiền lương cho chị chăm lo cho gia đình. Anh chị không tìm được tiếng nói chung trong mọi việc, cuộc sống ngày càng áp lực, mệt mỏi. Mặc dù, vợ chồng đã nhiều lần cố gắng khắc phục, hai bên gia đình khuyên giải nhưng không thành. Sau khi phát sinh mâu thuẫn, chị đã chuyển ra ngoài sinh sống.

Về việc trong đơn khởi kiện, chị trình bày chị và anh D đăng ký kết hôn năm 1994 là do chị không nhớ chính xác. Tuy nhiên, Theo các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được thể hiện chị và anh D không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Do đó, chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh D theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là Nguyễn Thị Phương H1, sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 23-02-2005. Cháu H1 đã thành niên nên chị không yêu cầu giải quyết. Theo như đơn khởi kiện chị trình bày có nguyện vọng được nhận nuôi Cháu T nhưng Cháu T có nguyện vọng được ở với bố nên chị đề nghị Tòa án giao Cháu T cho anh D nuôi dưỡng; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị sẽ tự thỏa thuận với anh D, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 27-11-2020, bị đơn là anh Nguyễn Duy D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân hôn nhân: Anh xây dựng hạnh phúc với chị H trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý, tổ chức lễ cưới vào năm 1994 nhưng anh chị không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương.

Sau vài năm chung sống cùng gia đình, anh chị chuyển ra ở riêng tại ngôi nhà và thửa đất hiện nay tại tổ dân phố D. Trước đây anh thường xuyên đi làm ăn xa, ít khi về nhà, khoảng 07 năm trở lại đây, anh trở về địa phương làm ăn. Công việc của anh là làm dịch vụ tang lễ, còn chị H làm công nhân giầy da. Trong quá trình chung sống trước đây, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, khoảng thời gian vài năm trở lại đây, do công việc của anh và chị H đều thường xuyên đi sớm về muộn, ít có thời gian gần nhau, ít chia sẻ công việc gia đình cùng nhau. Mâu thuẫn tình cảm giữa anh và chị H trầm trọng từ cuối năm 2019. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, thu nhập của gia đình, chị H cầm chi tiêu nhưng không nói rõ chi tiêu vào những việc gì. Việc anh chị xảy ra mâu thuẫn tình cảm, hai bên gia đình cũng đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh chị vẫn không khắc phục được. Sau khi xảy ra cãi vã, chị H đã chuyển ra ngoài ở, anh chị sống ly thân mấy tháng nay. Trong thời gian sống ly thân, chị H không lần nào về thăm nhà, thăm con cái. Nay, chị H làm đơn xin ly hôn, anh cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn với chị H. Nhưng anh và chị H không làm thủ tục đăng lý kết hôn, không phải là quan hệ vợ chồng, anh đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận anh chị là vợ chồng.

- Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Nguyễn Thị Phương H1, sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 23-02-2005. Cháu H1 đã thành niên nên anh không yêu cầu giải quyết. Anh xin nhận nuôi Cháu T. Anh có chỗ ở, có công việc, thu nhập ổn định khoảng 10.000.000 đồng mỗi tháng đảm bảo việc nuôi dưỡng con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu Tòa án xác minh, thu thập được xác định: Chị H và anh D tự nguyện chung sống từ năm 1994 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Trong quá trình chung sống, anh D và chị H thường xuyên xảy ra bất đồng, mâu thuẫn tình cảm ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hòa thuận, hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi vã và xúc phạm lẫn nhau. Nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này là do anh D và chị H bất đồng về quan điểm sống, nghi ngờ nhau sống không chung thủy. Do mâu thuẫn tình cảm nên anh D và chị H đã sống ly thân mấy tháng nay, không còn quan tâm đến nhau, không có trách nhiệm gì với nhau. Anh D và chị H có 02 con chung là Nguyễn Thị Phương H1, sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 23-02-2005.

Anh D vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh D và thông báo kết quả cho anh D theo quy định pháp luật. Anh D vắng mặt tại phiên hòa giải nên Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh D; Cháu H1 đã thành niên nên không đề nghị giải quyết, giao Cháu T cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi; không giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án không công nhận quan hệ vợ chồng, bị đơn là anh Nguyễn Duy D có nơi cư trú tại tổ dân phố D, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên toà, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh D.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh D đều trình bày việc tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chính quyền địa phương xác nhận từ năm 1994 đến nay chị H và anh D vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 và theo quy định tại Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, chị H và anh D chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật thừa nhận. Do đó, việc chị H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh D là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Chị H và anh D có 02 con chung là Nguyễn Thị Phương H1, sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 23-02-2005. Cháu H1 đã thành niên, chị H và anh D đều không yêu cầu giải quyết. Cháu T đang sinh sống cùng anh D, cháu có nguyện vọng được ở với bố. Xét thấy, hiện nay anh D có chỗ ở, công việc, thu nhập ổn định để nuôi dưỡng con, chị H cũng thống nhất giao Cháu T cho anh D nuôi dưỡng. Nên cần giao Cháu T cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp, cần chấp nhận; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị H và anh D đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh D có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đặng Thị H và anh Nguyễn Duy D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Phương T cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét hoặc đến khi chị H và anh D có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007157 ngày 09-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Trường

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Yến **Lê Thị Mai Hương** **Phạm Hữu Trường**